

# LUẬN A TỖ ĐÀM TỖ BÀ SA

## QUYỂN 22

### Chương 1: **KIỀN-ĐỘ TẠP**

#### Phẩm 7: **VÔ NGHĨA**, Phần 2

Thần đất xưng như vậy: Đức Thế tôn chuyển Thánh pháp luân, cho đến nói rộng.

Hỏi: Trong chúng hội bấy giờ, cũng có vị trời khác xưng rằng: Phật chuyển pháp luân. Vì sao chỉ nói một mình thần đất xưng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Thần đất theo Đức Thế tôn, muốn cho Phật chuyển pháp luân không có các chướng ngại. Như lai theo thời chuyển chánh pháp luân không có các trở ngại. Thần đất tự nghĩ mình đã có công lao, nay đã được quả, tâm sinh vui mừng, do đó nên cao tiếng xưng trước.

Lại có thuyết nói: Trong chúng hội bấy giờ, dù có các vị trời khác, nhưng nghe thần đất vốn nhanh nhẹn nên xưng trước. Như hôm nay chỗ đại chúng nhóm họp, người với tánh nhanh nhẹn, thường vui mừng cao tiếng xưng trước. Thần đất cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Vì thần đất kia cảm thấy rất vui mừng cho nên xưng trước.

Lại có thuyết nói: Là pháp thứ lớp. Vì sao? Vì thần đất xưng trước, kế là thần hư không, trải qua khoảng trên đến cõi trời Phạm Thế.

Hỏi: Như ở chỗ khởi tiếng thì âm thanh liền dứt ngay ở đó sao nói là trên lên đến cõi Phạm thế?

Đáp: Đây là pháp chuyển chuyển. Thần đất xưng rồi, vị trời khác lại xưng. Chuyển chuyển như thế cho đến cõi Phạm Thế. Giống như một ngọn đèn chuyển chuyển cháy sáng âm thanh kia cũng giống như thế.

Hỏi: Như trời cũng hiểu pháp, vì sao lại nói vì con người mà

chuyển pháp luân?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì con người thấy đế trước, trời thấy đế sau.

Lại có thuyết nói: Vì con người là hiện thấy, trời chẳng phải hiện thấy.

Lại có thuyết nói: Do con người làm chứng, chẳng phải do trời làm chứng.

Lại có thuyết nói: Vì hành nghiệp của Phật đồng với người, trời thì không đồng.

Lại có thuyết nói: Vì các trời cũng từ trong nơi con người đạt được lợi ích tốt đẹp.

Lại có thuyết nói: Vì trong con người có bốn chúng.

Lại có thuyết nói: Nếu ở chỗ này diệt thì cũng ở chỗ ấy sinh, tuy có bậc Thánh đầy khắp các cung trời. Trong cõi người có người đã chứng pháp cam lộ, nên không gọi là pháp diệt. Nếu không có người chứng, mới gọi là pháp diệt. Cho nên, nếu ở chỗ này diệt, cũng ở chỗ ấy sinh. Nếu Chuyển luân Thánh vương xuất thế, thì tiếng nói thấu đến cung trời Tha hóa tự tại. Tiếng nói của Kiều-trần-như, v.v... thấu đến cõi Phạm thế, tiếng nói của Phật thấu đến A-ca-nị-trá.

Hỏi: Vì sao tiếng của vua Chuyển luân thấu đến cung trời Tự Tại, tiếng nói của Kiều-trần-như, v.v... thấu đến cõi Phạm thế, tiếng nói của Phật thấu đến cõi trời A-ca-nị-trá?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Chúng sinh gây ra nghiệp có hạ, trung, thượng. Người gây ra nghiệp phẩm hạ, tiếng nói thấu đến cung trời Tự Tại. Người gây ra nghiệp phẩm trung, tiếng nói thấu đến cõi Phạm thế. Người gây ra nghiệp phẩm thượng, tiếng nói thấu đến cõi trời A-ca-nị-trá.

Lại có thuyết nói: Chúng sinh gây ra nghiệp được tiếng khen có hạ, trung, thượng. Người gây ra nghiệp phẩm hạ, tiếng nói thấu đến cung trời Tự Tại. Người gây ra nghiệp phẩm trung, tiếng nói thấu đến cõi Phạm thế. Người gây ra nghiệp phẩm thượng, tiếng nói thấu đến cõi trời A-ca-nị-trá.

Lại có thuyết nói: Chúng sinh khen ngợi cha mẹ, Sư trưởng, Sa-môn, Bà-la-môn có phẩm hạ, trung, thượng. Nếu người hành phẩm hạ, tiếng nói thấu đến cung trời Tự Tại. Người tạo phẩm trung, tiếng nói thấu đến cõi Phạm thế. Người tạo phẩm thượng, tiếng nói thấu đến cõi trời A-ca-nị-trá.

Lại có thuyết nói: Nếu Chuyển luân Thánh vương xuất thế, thì

dùng mười điều thiện để giáo hóa và sẽ nhận lấy quả báo trong sáu tầng trời cõi Dục. Nếu có người mới sinh lên cõi trời, thì chư Thiên vui mừng: ta thọ vui thân thuộc, nay đã thêm nhiều! Vì lúc Chuyển luân Thánh vương xuất thế, chư Thiên đều vui mừng, nên tiếng của Vua Chuyển luân thấu đến cung trời Tự Tại. Vì Phạm thiên thỉnh Phật Chuyển pháp luân nên tiếng thấu đến Phạm thế. Chư Thiên Thủ-đà-hội giác ngộ Bồ-tát, nên xuất hiện tại thành Ca-tỳ-la-đạt được trí vô thượng, vì thế Phật xuất hiện ở đời, nên tiếng thấu đến cõi trời A-ca-nị-trá.

Lại có thuyết nói: Chuyển luân Thánh vương là người ái dục, do đó, tiếng thấu đến xứ không là dục.

Vì trong Phạm thế có cao thấp, trên dưới, nên tiếng nói của Tôn giả Kiều-trần-như thấu đến cõi Phạm thế. Vì Phật có đại danh xưng tối thắng, nên tiếng nói của Phật thấu đến cõi A-ca-nị-trá. Nếu có chúng sinh cõi Hữu Đảnh có nhĩ thức, thì tiếng nói của Thế tôn cũng nên thấu đến cõi đó, vì Đức Thế tôn đã rộng tu vô lượng nghiệp được khen ngợi.

Hỏi: Vì sao âm thanh của Chuyển pháp luân thấu đến cõi Phạm thế?

Đáp: Vì Phạm thế là xứ tất cả loài người đều tôn trọng.

Lại có thuyết nói: Vì Phạm thế đã tạo ra giới hạn của Tam thiên đại thiên thế giới.

Lại có thuyết nói: Vì Phạm Thế có trên dưới, cao thấp.

Lại có thuyết nói: Vì địa kia có pháp giác quán là căn bản của ngôn ngữ, như nói: do tâm giác quán, nên có lời nói.

Lại có thuyết nói: Vì cõi kia có nhĩ thức thiện nhiễm ô vô ký không ẩn mất của địa mình.

Lại có thuyết nói: Vì cõi kia có thiện nhiễm ô, vô ký không ẩn mất của địa mình, có pháp tạo tác.

Do việc này, nên tiếng nói thấu đến cõi Phạm Thế.

Hỏi: Pháp Chư Phật giảng nói đều là pháp luân phải chăng?

Đáp: Không. Nói kiến đạo, đó gọi là pháp luân.

Hỏi: Nghe Phật nói pháp, số người nhập kiến đạo là nhiều, vì sao không gọi là pháp luân?

Đáp: Số người kiến đạo ấy dù là pháp luân, nhưng không ở ban đầu, vì người nhập pháp đầu tiên mới gọi là pháp luân, người nhập pháp sau cùng như Tu-bạt-đà-la, cũng được gọi là pháp luân.

Hỏi: Tất cả chư Phật đều chuyển pháp luân ở nước Ba-la-nại. Xứ ấy có nhất định không? Nếu nhất định thì làm sao hiểu thuyết này, như

nói: Phật Nhiên Đăng chuyển pháp luân ở thành Đẳng Quang? Nếu không nhất định thì làm sao hiểu kệ Đàm-Ma Tu-Bồ-Đề đã nói, như kệ nói:

*Nên nghĩ chỗ Phật quá khứ nương  
Đại thành Ca-da, thí rừng nai  
Đều ở xứ này khéo phân biệt  
Pháp mâu thanh tịnh không có trên.*

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nên nói rằng: Có bốn chỗ nhất định:

Chỗ cây Bồ-đề chuyển pháp luân, chỗ trên trời, đến dưới đất, chỗ hóa hiện thần biến lớn.

Làm sao biết cây Bồ-đề là nhất định? Nghe nói có vua Chuyển luân Văn-đà-kiệt cùng bốn binh chủng bay đi trong hư không, ngang qua trên cây Bồ-đề, thì xe báu dừng lại, không thể bay tiếp. Bấy giờ, nhà vua hoảng sợ, nghĩ rằng: Nay ta e rằng sắp, mất ngôi vua, sắp mất mạng chẳng? Thần cây Bồ-đề nói với vua: Đại vương đừng sợ! Không mất ngôi vua, cũng không mất mạng! Đại vương không thấy dưới cây Bồ-đề, trong đó có tòa kim cương, tất cả Bồ-tát đều ngồi trên tòa này, đều chứng được trí vô thượng. Đại vương muốn đi qua, thì hãy tránh chỗ này, đi con đường khác!

Lúc ấy, nhà vua xuống xe, đem các thứ cúng dường cây Bồ-đề xong, đi theo con đường khác.

Do việc này, nên biết được cây Bồ-đề là chốn nhất định.

Vì sao biết được nơi chốn chuyển pháp luân là nhất định?

Tức do kệ trên, biết được chỗ đó là nhất định.

Vì sao biết được từ trên trời đến chỗ dưới đất là nhất định? Nghe nói sau khi Phật qua đời, từ trên trời xuống chỗ dưới đất có các việc khổ não, các Tỳ-kheo bỏ nơi chốn ra đi, dị học ngoại đạo đến ở trong đó, các Tỳ-kheo lại đến chỗ ấy, nói với ngoại đạo: Đây là thầy ta, từ trên trời tới chỗ này. Ngoại đạo lại nói: Là chỗ cúng tế trời, thường trú của ta, cho đến diễn ra cuộc tranh chấp quyết liệt. Bấy giờ, các Tỳ-kheo nói với ngoại đạo: Nay nên cùng nhau lập lời nói thành thật, nếu thuộc về người nào, thì sẽ có điềm lành! Các ngoại đạo đều im lặng. Lúc ấy, các Tỳ-kheo bèn lập lời nói thành thật, các thần đều chứng biết: Nếu khiến chốn này là nơi của Chư Phật quá khứ làm mẫu mực cho sự nói pháp thì sẽ hiện điềm lành.

Khi đó, tại trú xứ kia, có cột đá to, phía trên có con sư tử đá, liền gầm lớn. Các ngoại đạo sợ hãi nên bỏ đi. Trong miệng sư tử tuôn ra các tràng hoa báu quấn quanh cột đá xanh cùng khắp mọi nơi.

Do việc ấy nên biết Đức Phật từ trên trời đến chỗ dưới đất là chốn nhất định.

Vì sao biết được chỗ hiện đại thần biến là nhất định? Vì khi Phật còn ở đời, các ngoại đạo thường tìm Phật để cùng so tài hiện bày thần biến, trải qua mười sáu nước lớn, Phật không hiện thần biến lần trở về đến nước Xá-vệ, mới hiện thần biến.

Do việc này nên biết được chỗ hiện thần biến là cố định.

Hỏi: Nếu chỗ chuyển pháp luân là nhất định thì Phật Nhiên Đăng chuyển pháp luân ở thành Đăng Quang, với thuyết này nói làm sao hiểu?

Đáp: Nay nước Ba-la-nại này, tức là thành Đăng Quang ngày xưa.

Lại có thuyết nói: Có ba chỗ nhất định: Cây Bồ-đề, trên trời đến chỗ dưới đất, chỗ hiện đại thần biến. Ba chỗ này cố định, như đã nói trên, Ba chỗ không nhất định là nơi chuyển pháp luân, nơi giảng sinh và nơi nhập Niết-bàn.

Vì sao biết được nơi chuyển pháp luân là không nhất định? Như A-la-uất-đà-ca-tử không qua đời nên Phật không đến chỗ đó để vì ông ta giảng nói pháp, và từ nước Ma-già-đà dẫn đến nước Ba-la-nại?

Hỏi: Nếu chỗ chuyển pháp luân không nhất định, thì làm sao hiểu kệ của Đàm-ma-tu-bồ-đề nói?

Đáp: Vấn đề này chẳng cần hiểu. Vì sao? Vì đây chẳng phải tu-đa-la, Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, đây chẳng qua là phương pháp soạn văn tụng. Thông thường người soạn văn tụng lời nói phải vượt qua sự thật.

Hỏi: Nếu muốn hiểu thì phải hiểu thế nào?

Đáp: Quá khứ cũng từng có Phật chuyển pháp luân ở chỗ đó, do đó nên nói như thế.

Hỏi: Ba-la-nại là nghĩa gì?

Đáp: Có con sông tên là Ba-la-nại, thành vua được xây dựng cách sông ấy không xa, nên gọi là Ba-la-nại.

Hỏi: Vì sao gọi là nơi bàn luận của vị tiên?

Đáp: Hoặc nói rằng: Tất cả chư Phật đều chuyển pháp luân ở nước Ba-la-nại, , chư Phật là những vị tiên hơn hết. Vì lần đầu tiên, chuyển pháp luân ở nơi đó, nên gọi là chỗ vị tiên bàn luận. Hoặc nói rằng: Chư Phật không cần phải chuyển pháp luân ở chỗ ấy, vì vào thời Phật ra đời, đã có đại tiên A-la-hán cư trú nơi đó, nay đang cư trú, sẽ cư trú. Nếu Phật không xuất thế thì đã có Bích-chi Phật ở. Nếu không có Bích-chi Phật, thì đã có vị tiên đạt năm thông ở.

Do việc này, nên gọi là chỗ bàn luận của vị tiên, cũng gọi là trụ xứ của vị tiên.

Rừng thí nai có nghĩa gì? Bầy nai đi dạo ở trong đó, gọi là rừng nai. Lại nữa, vua Phạm-ma-đạt thí rừng cây này cho đàn nai, nên gọi là rừng thí nai.

Lại Đức Thế tôn nói: Tỳ-kheo này đã dứt hết lậu, trời Ba mươi ba thường nhóm họp, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Vì kinh Ba- Lợi -chất -Đa Thọ Dự là chỗ căn bản của luận này. Hoặc cho trời Ba mươi ba có trí hiểu rõ hiện tiền, biết Tỳ-kheo đã dứt hết lậu, chẳng do so sánh tướng mà biết. Muốn quyết định nói trời Ba mươi ba không có trí hiểu rõ hiện tiền là trí của tướng so sánh. Vì sao? Vì tuệ sinh đắc không biết pháp lậu tận. Chính vì việc trên, nên soạn luận này.

Hỏi: Nếu tuệ sinh đắc không thể biết được pháp lậu tận, thì chư thiên kia làm sao biết?

Đáp: Vì năm việc nên biết:

1. Đức Thế tôn khởi tâm thế tục.

Hỏi: Vì sao Đức Thế tôn khởi tâm thế tục?

Đáp: Vì hợp ý Đức Thế tôn. Ai là người Thế tôn hợp ý nhất? Đó là người có thể dứt bỏ hữu ở vị lai. Đức Thế tôn cũng nói: Nếu Tỳ-kheo là người khởi phần ít hữu ở vị lai, thì ta sẽ không khen ngợi người đó, cho đến nói rộng. Tỳ-kheo kia đã dứt bỏ hữu ở vị lai, vì hợp ý Đức Thế tôn, nên khởi tâm thế tục.

Lại có thuyết nói: Nếu muốn cho người được tha tâm trí, phải biết.

1. Có khi dùng miệng nói, bảo người khác.

2. Bảo người khác. Về nghĩa bảo với người khác, như trước đã nói.

3. Tôn giả kia cũng khởi tâm thế tục:

Hỏi: Vì sao Tôn giả kia cũng khởi tâm thế tục?

Đáp: Vì Tôn giả kia, từ vô thủy đến nay bị phiền não luôn đốt cháy, nay đã được nguội lạnh. Bỏ các nhập hừng cháy, được các nhập mát mẻ. Bỏ chúng sinh phiền não, ở trong chúng sinh thanh tịnh, buông bỏ gánh nặng của ấm nhiễm ô, được ấm thanh tịnh, vì sinh tâm vui mừng, nên khởi tâm thế tục.

4. Tôn giả kia cũng bảo với người khác:

Hỏi: Vì sao Tôn giả kia cũng bảo với người khác?

Đáp: Vì muốn để thành thật nói trong hiện pháp, cũng khiến thí chủ thí cho thức uống ăn, y phục, giường, ghế, ngọ cụ, đau bệnh có thuốc thang, sinh tâm vui mừng. Cũng vì muốn chỉ rõ cho người xuất gia thực hành có kết quả. Vì cho nên bảo người khác.

5. Từ trời Đại Oai Đức được nghe:

Hỏi: Trời Đại Oai Đức là sao?

Đáp: Là trong cõi trời ấy có người được A-la-hán.

Hỏi: Tất cả đều biết chăng?

Đáp: Nếu là người căn tánh bình đẳng thì biết.

Hỏi: Trời khác kia cũng khen ngợi pháp này chăng?

Đáp: Cũng khen ngợi.

Hỏi: Nếu vậy thì vì sao trong đây không nói?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nếu chư Thiên thường nhóm họp, thì trong đây nói là trời Ba mươi ba, trong tám ngày, mười bốn ngày, mười lăm ngày, thường nghĩ xem người, trời, có ai thực hành pháp thiện hay không?

Lại có thuyết nói: Trong trời Ba mươi ba kia, hoặc có người dụ cây Ba-lợi-chất-đa-la với A-la-hán. Vì cho nên khen ngợi.

Lại có thuyết nói: Nếu trời Ba mươi ba nghe con người thường thực hành việc thiện, thì trời sẽ vui mừng. Do đó nên khen ngợi.

Lại có thuyết nói: Trời Ba mươi ba thường dò xét con người xem có ai làm việc thiện, thì sẽ che chở cho họ, cho nên khen ngợi.

Hỏi: Có khen người Hữu học hay không?

Đáp: Cũng khen ngợi. Như kinh nói: Nếu người thế gian hiếu thảo, với cha mẹ, thì sẽ được chư Thiên khen ngợi, hưởng chi là người Hữu học.

Hỏi: Nếu vậy thì vì sao chỉ nói người dứt hết lậu mà không nói người Hữu học?

Đáp: Vì vượt hơn, cho đến nói rộng.

Lại có thuyết nói: Vì lấy lúc cây Ba-lợi-chất-đa-la rất sum sê nở rộ hoa làm dụ.

Lại có thuyết nói: Vì người đã dứt hết lậu, nên xứng đáng thọ cúng dường, vì không có lỗi lầm xen lẫn, vì không có tội lỗi, vì không có ngờ vực, oán hận cho nên khen ngợi.

Lại có thuyết nói: Nếu đời có A-la-hán, chư Thiên gia thêm nhiều, thì đường ác sẽ giảm ít. Vì cho nên khen ngợi, giống như minh vương trị nước, do dân chúng ngay thẳng thêm nhiều. Người thiện kia cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Nếu đời có A-la-hán, chư Thiên thêm nhiều, chúng A-tu-la giảm ít, như lúc mặt trăng tròn, nước biển cả tăng. Người làm việc thiện kia cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Nếu đời có A-la-hán, lúc chư Thiên chiến đấu với A-tu-la thì sẽ thắng. Như các thiên tử thấy điều thiện tinh tiến, chiến thắng chư Thiên. Người làm việc thiện kia cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Nếu đời có A-la-hán, thì oai đức của chư Thiên đời sau sẽ vượt hơn oai đức của chư Thiên đời trước, vì cho nên khen ngợi. Như dùng vị ngọt thí cho vượt hơn người thí ở ngã tư đường. Người làm việc thiện kia cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Nếu đời có A-la-hán, dùng một chút thức ăn thí cho, sẽ được sinh lên cõi trời, vì cho nên khen ngợi. Như Ma ha Ca-diếp dùng một đồ đựng hạt lúa tốt, nấu cơm đem thí cho A-ni-lô-đầu một bữa ăn. Người làm việc thiện kia cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Nếu đời có A-la-hán, người thấy, có thể sinh tâm kính tin, sẽ được sinh lên cõi trời. Vì cho nên khen ngợi. Như ểnh ương, chó dữ hà hơi Chiên-đà-la, vì để tỏ lòng kính tin, nên được sinh lên cõi trời. Người làm việc thiện kia cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Nếu đời có A-la-hán, ngục tù sinh tử sẽ được gặp đại ân xá. Như vua sinh con, đại xá lao ngục. Người làm việc thiện kia cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Nếu đời có A-la-hán, thì sẽ có thể được chỉ bày rõ ràng đạo đường thiện, đường ác, như khi mặt trời mọc, thì thấy con đường bằng phẳng hoặc gian nan nguy hiểm. Người làm việc thiện kia cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Nếu đời có A-la-hán, thì sẽ không mất ngôi trời, không đọa đường ác, vì lại được ngôi vị trời, giống như Đế-thích. Người làm việc thiện kia cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Nếu đời có A-la-hán, thì tất cả thế gian đều thường được lợi ích, chẳng lúc nào không có, giống như thầy tốt sẽ dạy đệ tử tốt, thường được lợi ích, chẳng lúc nào không có. Người làm việc thiện kia cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Nếu đời có A-la-hán thì cho dù có nhạc trời, nhưng vẫn có thể lìa bỏ, tư duy được an tĩnh, như Đế-thích, vua Chuyển luân, vua Diêm La nghĩ được xuất gia. Người làm việc thiện kia cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Nếu đời có A-la-hán, thì tất cả thế gian sẽ được nghe các pháp báu như phẩm đạo, v.v... mà thường được dồi dào, như



thuyền biển chở của báu, làm cho thiên hạ được no đủ. Người làm việc thiện kia cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Nếu đời có A-la-hán, thì tất cả người đời đều được hưởng thú vui, như mùa lúa chín no đủ. Người làm việc thiện kia cũng giống như thế.

Hỏi: Có phải vì khen ngợi tất cả A-la-hán không?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đều khen ngợi tất cả A-la-hán. Vì sao? Vì chư Thiên thường thích khen ngợi người thiện. Tất cả việc làm đều xong, rất là ít, cho nên đều khen.

Lại có thuyết nói: Không cần phải khen ngợi tất cả A-la-hán. Vì nếu A-la-hán tạo nên nghiệp danh dự cũng giúp cho chúng được tăng ích thì khen ngợi. Còn nếu không làm nên nghiệp danh dự, thì cho dù có tạo, cũng không khiến tăng trưởng, có ở gần nhau, cũng không biết, huống hồ là chư Thiên?

Lại có thuyết nói: Nếu giàu sang mà xuất gia, như vua Thích-bà-đà, v.v... thì đáng khen ngợi.

Lại có thuyết nói: Như trong kinh này nói: A-la-hán thì khen ngợi.

Lại có thuyết nói: Nếu người có đại trí, có phước báo lớn, nếu có thể làm cho các chúng trời tăng, đường ác giảm ít thì mới đáng khen ngợi.

Lại có thuyết nói: Nếu làm lợi ích người mà không cảm thấy nhàm mỏi, như Xá-lợi-phất v.v... thì đáng khen ngợi.

Lại có thuyết nói: Nếu có khả năng hộ trì pháp Phật, làm nơi quy hướng cho đời, thì đáng khen ngợi.

Hỏi: Chư Thiên có biết người tăng thượng mạn không?

Đáp: Nếu người có tăng thượng mạn, tự nói là A-la-hán, thì chư Thiên không biết. Nếu người không có tăng thượng mạn, mà tự nói được quả A-la-hán thì chư Thiên sẽ biết.

Lại có thuyết nói: Nếu là người có căn thiện sâu dày, khởi tăng thượng mạn, thì chư Thiên không biết. Nếu người quán tưởng bất tịnh, lệ thuộc cõi Dục, sinh tăng thượng mạn thì biết. Như Đế-thích, vào thời không có Phật, nếu thấy người nào sống rảnh rang thanh thoi liền đến nơi đó, quán sát người này có tướng thành Phật hay không. Đế-thích còn thế, huống chi là các vị trời khác mà không biết?

Hỏi: Lại biết người phạm giới không?

Đáp: Nếu phạm giới thô thì biết, tế thì không biết.

Lại, Đức Thế tôn nói: Có hóa pháp điều phục có như pháp tu hành,

cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Kinh Thiên Na Lê sư là chỗ căn bản để soạn luận này.

Nghe nói nói ở nước Ma-già-đà có bệnh dịch lan rộng. Đang trong mùa dịch này, người phụ tá cho vua Tần-bà-sa-la, nước Ma-già-đà, có nhiều người chết.

Lại có thuyết nói: Lúc vua A-xà-thế giết vua cha, cũng giết luôn quan phụ tá tả hữu của hầu gần vua cha. Bà con của quan phụ tá đến xin Tôn giả A-nan vì mình thưa hỏi Phật: Ở các nơi thôn xóm, như những người tin ưa Phật, sau khi qua đời, Đức Thế tôn thường nói về chỗ sinh của họ. Hôm nay các thân thuộc của tôi ở nước Ma-già-đà này, có số người vừa qua đời, Phật không nói nơi sắp sinh. Tôn giả vì tôi thỉnh vấn Đức Thế tôn về những người vừa qua đời này, sẽ được sinh về nơi nào?

Bấy giờ, vì chỗ thân quen, nên Tôn giả A-nan đã hứa sẽ tạo phương tiện đến chỗ Thế tôn, bạch Phật: Dân chúng của nước khác, có người qua đời, Đức Thế tôn thường nói chỗ sinh của họ. Nay quan phụ tá của vua nước Ma-già-đà vừa qua đời, Thế tôn không nói chỗ sinh của họ. (Vì Phật không nói nơi sắp sinh của họ, nên) các thân thuộc của họ sinh tâm sâu nã, không sinh kính tin, cúi mong Đức Thế tôn nói cho biết nơi sắp sinh của họ.

Đức Thế tôn đã thành Đẳng chánh giác ở nước Ma-già-đà, lại, vua Tần-bà-sa-la, là người có tâm rất kính tin Phật, được pháp rất ráo, cung kính, phụng sự chúng tăng. Vì việc này, nên nói chỗ sinh của người vừa chết là các quan phụ tá v.v... của nước Ma-già-đà. Lúc ấy, Đức Thế tôn yên lặng hứa nói. Ngài liền ôm y bát vào thành Na-đề-kiền khát thực. Khất thực xong, trở lại Tinh xá. Rửa chân rồi, vào phòng Quân-xà-ca, trải giường ra ngồi, khéo thủ giữ thân, tâm, nhập thiền định, muốn quán nơi sắp sinh của sứ hầu nước Ma-già-đà.

Hỏi: Đức Thế tôn đã có tri kiến như thế, muốn có sở quán, lẽ ra liền biết ngay, vì sao phải trải giường ngồi, cho đến nói rộng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì muốn nói đến việc sâu xa, khó biết, khó sáng suốt, khó thấy. Vì sao? Vì nghĩa nói trong tất cả kinh Phật sâu xa, không bằng nghiệp. Mười hai chi duyên dù là rất sâu, nhưng không bằng thể của hai chi là nghiệp. Đức tin là rất sâu, mười lực của Như lai, biết nghiệp lực rất sâu xa. Nghiệp không thể nghĩ bàn trong bốn pháp không thể nghĩ bàn, rất là sâu xa. Kiên-độ nghiệp trong tám kiên-độ rất là sâu. Vì việc này, nên Phật phải trải giường tòa, cho đến nói rộng.

Lại có thuyết nói: Vì muốn đợi người được hóa độ đến nhóm họp.

Lại có thuyết nói: Vì Thiên-na-lợi-sư nhóm họp ở vị lai. Nếu Thiên-na-lợi-sư nghe Phật định nói đến việc này, thì sẽ đến chỗ Phật.

Lại có thuyết nói: Phật nhân việc này, cũng nói Như lai có tám công đức như thật:

1. Minh đầy đủ.
  2. Giới đầy đủ.
  3. Nói pháp đầy đủ.
  4. Hiện rõ ràng.
  5. Khéo nói đạo.
  6. Được bạn tốt.
  7. Được quyến thuộc tốt.
  8. Có tâm làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.
- Cũng thế, nói rộng như kinh.

Lại có thuyết nói: Vì muốn cho Tôn giả A-nan nghe, nhớ giữ không quên, vì tăng thêm tâm tôn trọng, khát khao, ngưỡng mộ.

Lại có thuyết nói: Vì muốn dứt bỏ tâm khinh dể, không có thật đức, nên có người có một chút điều hiểu biết, người khác đến hỏi, vì khinh dể, nên hỏi, liền đáp. Như lai muốn thị hiện, nay dù có tri kiến như thế, lẽ ra hễ nghĩ đến là biết ngay, nhưng vẫn cố tạo ra phương tiện, hướng chi là tiểu trí, mà không cố tạo ra phương tiện hay sao?

Lại có thuyết nói: Vì muốn thể hiện người, pháp thông sáng, nên Thế tôn cũng nói thông minh. Có ba thứ tướng:

1. Khéo tư duy đối tượng tư duy.
2. Khéo nói điều mình nói.
3. Khéo làm điều mình làm.

Lại có thuyết nói: Các quan phụ tá v.v... nước Ma-già-đà có các thứ nhân, có các thứ quả, có các thứ nghiệp, các thứ báo, sinh khắp trong sáu tầng trời cõi Dục. Đức Thế tôn vì muốn quán kỹ việc như cho nên mới trải giường, ghế, cho đến nói rộng.

Lại có thuyết nói: Lúc Phật sắp nhập thiền định, A-nan bèn hỏi về việc này, Phật chưa đáp, liền nhập thiền định. Bấy giờ, Đức Thế tôn, vào lúc đầu hôm xuất thiền ở trước Tỳ-kheo tăng trải giường ngồi. Lúc ấy, Tôn giả A-nan nghĩ: Nay thân tâm Đức Thế tôn vắng lặng, đúng là lúc hỏi. Phật biết tâm A-nan đang nghĩ gì, bèn bảo A-nan: Các phụ tá, v.v... nước Ma-già-đà, gồm có tám vạn bốn ngàn, hoặc quá số này, hoặc hóa pháp điều phục, hoặc là như pháp tu hành, dứt hết ba kiết,

được đạo Tu-đà-hoàn, cho đến nói rộng.

Hỏi: Thế nào là phụ tá?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì là quyền thuộc bên trong của vua Tần-bà-sa-la, nên gọi là phụ tá.

Lại có thuyết nói: Vì thường hầu hạ Tam bảo, gọi là phụ tá.

Lại có thuyết nói: Đây là danh từ đời trước. Vì sao? Vì vua Tần-bà-sa-la xưa kia từng làm Chuyển luân Thánh vương, trong khi đang đi dạo với bốn thứ binh trên hư không, xe báu của vua bỗng nhiên không đi nữa, nói rộng như trên. Trong chuyển pháp luân, cho đến tám mươi bốn ngàn phụ tá của vua, cúng dường cây Bồ-đề rồi, đi theo con đường khác. Chuyển luân Thánh vương bấy giờ, chính là vua Tần-bà-sa-la hiện nay tám mươi bốn ngàn người phụ tá bấy giờ, chính là các phụ tá hôm nay. Vì cho nên biết là tên gọi là lúc đời trước.

Lại có thuyết nói: Các phụ tá này giúp vua trị vì hai nước, làm cho nước được dồi dào, hưng thịnh. Sau khi các vị ấy qua đời, hai nước trống rỗng, nên gọi là phụ tá. Trong kinh Phật nói là các phụ tá, có người là hóa pháp điều phục, có người như pháp tu hành mà không phân biệt. Kinh Phật là chỗ căn bản soạn luận này. Điều trong các kinh không nói, nay vì muốn nói nên soạn luận ấy.

Hỏi: Thế nào là hóa pháp điều phục? Thế nào là như pháp tu hành?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Các vị phụ tá của Ma-kiệt, thân trời thấy pháp, gọi là hóa pháp điều phục, thân người thấy pháp, gọi là như pháp tu hành.

Lại có thuyết nói: Các phụ tá của nước Ma-kiệt không thọ giới thấy pháp, gọi là hóa pháp điều phục. Người thọ giới thấy pháp, được gọi là Như pháp tu hành.

Lại có thuyết nói: Nếu trồng căn thiện ở đây, cũng khiến cho thành thực, ở chỗ kia được giải thoát, gọi là Hóa pháp điều phục. Đối với ba việc này đều được đầy đủ, gọi là như pháp tu hành.

Cũng thế, trồng căn thiện đạt phần ở đây, nhập kiến đạo trong kia, nơi căn thiện quán đế trong đây, nhập kiến đạo trong kia, thọ lãnh giới giả danh trong đây, được giới chân thật trong kia, được theo kịp giới giải thoát, giới thiền trong đây, được giới vô lậu trong kia. Tâm học thiện, giới học thiện trong đây, tuệ học thiện trong kia. Được quả Tu-đà-hoàn trong đây, được căn thiện đối trị, được tịnh kiến trong kia. Được năm căn như tín căn, v.v... trong đây, được tín không hư hoại trong kia, phải biết cũng thế.

Là hóa pháp điều phục đã gieo trồng căn thiện đạt phần trong đây, tức nhập kiến đạo trong đây. Trồng căn thiện quán đế trong đây, tức nhập kiến đạo trong đây. Nhập kiến đạo trong đây, thọ giới giải danh trong đây, tức được giới chân thật trong đây. Đạt được giới thiện, giới giải thoát trong đây, tức được giới vô lậu trong đây. Giới học thiện, tâm học thiện trong đây, tức tuệ học thiện trong đây. Được Tu-đà-hoàn trong đây, tức được quả Tu-đà-hoàn trong đây. Được tu căn thiện đối trị trong đây, tức được tịnh kiến trong đây. Được năm căn như tín căn v.v... trong đây, tức được tín bất hoại trong đây, phải biết cũng thế. Đó là như pháp tu hành.

Hỏi: Vì sao người thấy pháp ở cõi trời, gọi là hóa pháp điều phục, còn người thấy pháp trong cõi người, thì gọi là như pháp tu hành?

Đáp: Vì tập học trong cõi người, nên Thánh đạo hiện ở trước, cũng thường đọc tụng, hiểu rõ ý nghĩa. Siêng tu phương tiện đầu hôm, gần sáng, thọ pháp một, bảy, sáu, bảy, từ lúc mặt trời lặn đến khi mặt trời mọc, ngồi kiết già, siêng năng tu hành tinh tiến, trụ trong núi đá, hang núi, đỉnh an thiên, rừng hành thiên, dựa vào pháp trợ, tạo ra công hạnh tinh tiến như thế, v.v... rồi, sau đó Thánh đạo mới hiện ở trước. Trong cõi trời không có việc này.

Nếu ở trong đây, tu phương tiện như thế, v.v... Về sau, sinh lên cõi trời kia, không cần dụng công nhiều, Thánh đạo vẫn hiện ở trước, cho nên gọi là Hóa pháp điều phục. Nếu ở trong cõi người tu pháp như thế, v.v... thì Thánh đạo sẽ hiện ở trước, gọi là Như pháp tu hành.

Thế nào là nặng về dục? Không biết đủ là sao? Cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao tạo ra phân luận này?

Đáp: chỗ chuyển vận của hai pháp này giống nhau: Có người tánh nặng về dục, người đời nói người này không biết đủ, có người tánh không biết đủ, người đời nói người ấy nặng về dục. Hai pháp này giống nhau, mà người đời cho là một.

Nay vì muốn nói thể tánh của hai pháp trên cũng có khác nhau, nên soạn luận này.

Hỏi: Thế nào là nặng về dục?

Đáp: Chưa được sắc, thanh, hương, vị, xúc, đây là nói người tại gia. Ý phục, thức uống ăn, giường, ghế, ngọc cụ v.v... Đây là nói người xuất gia. Nếu dục, thường dục, rất nặng về dục cho đến nói rộng.

Người tại gia mong cầu các cảnh giới như sắc v.v... rong ruổi khắp bốn phương. Người làm ruộng thì mong cầu ruộng đất, vườn rừng, trâu,

dê v.v... chất chứa các thứ nông cụ, các thứ giống lúa, lúa mì, để giúp cho sự sống hằng ngày.

Người giàu sang thì mong cầu ngôi vua, cõi nước, thành ấp, voi, ngựa, các thứ của báu như vàng, bạc, lưu ly v.v...

Người xuất gia thì mong vật cần dùng như y, bát phòng, nhà, đệ tử, đồ chúng v.v... Đó gọi là nặng về dục.

Không biết đủ: Đã được sắc, thanh, hương, vị, xúc, đây là nói người tại gia. Đã được y phục, thức uống ăn, dụng cụ giường, ghế, v.v... là nói người xuất gia, không biết đủ, là không thể vừa ý cái mình đã được, cho đến nói rộng. Người tại gia không biết đủ: nếu với một mảnh ruộng, không biết đủ, lại mong cầu hai mảnh. Với hai mảnh ruộng, không biết đủ, cho đến mong cầu được nhiều, cũng không biết đủ. Vườn, rừng, trâu, dê v.v... cho đến vật dụng giúp cho đời sống, nói cũng giống như thế. Người giàu sang, đối với một ngôi vua, không biết đủ, mong cầu hai ngôi vua, Với hai ngôi vua, không biết đủ, cho đến cầu được nhiều ngôi vua, cho đến cầu được nhiều ngọc, ngà châu báu, nói cũng giống như thế.

Người xuất gia, đối với một y bát, không biết đủ, mong cầu được hai, ba cho đến cầu nhiều không biết đủ, cho đến dụng cụ giúp ích sự sống, không biết đủ, nói cũng giống như thế.

Nặng về dục và không biết đủ có khác gì nhau không?

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Hai pháp này giống nhau, dù nói vì thể tánh, lẽ ra cũng phải nói có khác nhau. Thế nào là nặng về dục? Thế nào là không biết đủ?

Nặng về dục: Nếu chưa được sắc, thanh, hương, vị, xúc, cho đến nói rộng.

Vì sao biết được là nặng về dục?

Đáp: Vì đối tượng mong cầu nên biết. Nếu lúc mong cầu các cảnh giới như sắc, v.v..., thường thực hành phương tiện, vì nhiều phương tiện, nên biết. Vì sao? Vì nặng về dục là nhiều phương tiện của nhân không biết đủ, nghĩa là đã được sắc, thanh, hương, vị, xúc, cho đến nói rộng. Lại muốn, lại cầu, làm sao biết là không đủ?

Đáp: Nếu đã muốn, rồi lại muốn nữa, điều này phải thường cầu nhiều, vì cầu nhiều, nên biết. Vì sao? Vì đã muốn, lại muốn là nhân tố của thường cầu nhiều.

Lại có thuyết nói: Không biết đủ là nhân, mong muốn nhiều là quả. Hai pháp này lại hiển hiện rõ lẫn nhau, hoặc do nhân làm rõ quả, hoặc do quả làm rõ nhân. Hai pháp này đều là căn tham bất thiện.

Lại có thuyết nói: Nặng về dục là ở ý địa, không biết đủ là ở thân sáu thức. Vì sao? Vì năm thức duyên theo pháp hiện tại, nặng về dục duyên ở vị lai.

**Bình luận:** Hai pháp này đều ở thân sáu thức, đều là pháp cõi Dục. Nói như thế là tốt.

Thế nào là ít muốn (ít muốn)? Thế nào là biết đủ (biết đủ)?

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Hai pháp này tương tự: Có người tánh ít ham muốn, người đời nói là biết đủ, Có người tánh biết đủ, người đời nói là ít muốn. Vì hai pháp này giống nhau, nên người đời cho là một.

Nay vì muốn nói thể tánh của hai pháp đó, cũng nói về sự khác nhau, nên soạn luận này.

Thế nào là ít muốn? Là chưa được sắc, thanh, hương, vị, xúc, cho đến nói rộng, đây là nói người tại gia, chưa được y phục, thức uống ăn, cho đến nói rộng, đây là nói người xuất gia. Nếu không dục, không thường dục, không cực dục, cho đến nói rộng. Người tại gia làm ruộng mà không mong cầu ruộng đất, v.v... cho đến nói rộng, người giàu sang mà không cầu vương vị, v.v... cho đến nói rộng, người xuất gia mà không mong cầu y bát, v.v... cho đến nói rộng.

Hỏi: Thế nào là biết đủ?

Đáp: Đã được sắc, thanh, hương, vị, xúc, cho đến nói rộng, là nói người tại gia. Đã được y phục, thức uống ăn, v.v... cho đến nói rộng, đó là nói người xuất gia. Biết đủ: Thích ứng với chỗ được, cho đến nói rộng. Tại gia biết đủ: đối với một mảnh ruộng biết đủ, không cầu hai mảnh ruộng, cho đến một dụng cụ tư sanh biết đủ, không cầu hai, cho đến nói rộng. Người giàu sang đối với một ngôi vua biết đủ, không cầu hai ngôi vua, đối với hai ngôi vua biết đủ, không cầu nhiều ngôi vua, cho đến nói rộng. Người xuất gia đối với một y bát biết đủ, không cầu hai, cho đến dụng cụ tử sanh không cầu nhiều, cho đến nói rộng, ít muốn và biết đủ có gì khác nhau?

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Pháp tương tự này tuy nói thể tánh nhưng vẫn nêu nói sai khác, ít muốn. Nếu chưa được sắc, thanh, hương, vị, xúc, cho đến nói rộng.

Hỏi: Làm sao biết là ít muốn?

Đáp: Vì không mong cầu mà biết, vì không mong cầu là nhân của ít muốn. Biết đủ: là đã được sắc, thanh, hương, vị, xúc, cho đến nói rộng.

Hỏi: Làm sao là biết đủ?

Đáp: là không thường mong cầu, không thường thực hành phương tiện, không thường thực hành phương tiện là nhân của biết đủ, đó gọi là sai khác.

Có khi ít mong cầu mà là đa dục, có khi mong cầu nhiều mà là ít muốn. Ít mong cầu mà là đa dục. Mong cầu nhiều mà là ít muốn: như cầu trăm ngàn lượng vàng làm vật giúp ích cho cuộc sống hằng ngày, đủ cung cấp cho thân rồi, vẫn cố mong cầu cho nhiều, đó gọi là mong cầu nhiều là không biết đủ. Mong cầu nhiều mà biết đủ: là được các vật dụng tư sanh không đủ cung cấp cho thân, tuy lại cầu thêm vẫn là biết đủ.

Hỏi rằng: Vì sao hỏi ít muốn mà lại đáp không muốn? Như nói bất dục, bất thường dục, bất cực dục?

Đáp: Các vật tư sanh có hai thứ: đúng pháp và không đúng pháp, đúng pháp là ít muốn, không đúng pháp là bất dục.

Lại có thuyết nói: vật tư sanh có hai thứ: sở ứng và chẳng phải sở ứng. Sở ứng là ít muốn, chẳng phải sở ứng là bất dục.

Lại có thuyết nói: nhận vật của người có hai thứ: vì ngu và vì dứt khổ, dứt khổ là ít muốn, ngu là bất dục.

Lại có thuyết nói: đối với tài vật thì bất dục, đối với đạo vô lậu thì dục.

Lại có thuyết nói: Tất cả A-la-hán đã dứt hẳn tâm dục, thương xót chúng sanh, thọ vật cùng dùng từ người, thế nào là khó đầy? Thế nào là khó nuôi? Cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Sở hành của hai pháp giống nhau, có người tánh là khó đầy, người đời nói là khó nuôi, có người tánh là khó nuôi, người đời nói là người khó đầy, hai pháp này tương tự, người đời cho là một, nay muốn nói thể tánh thì cũng nói sai khác, mà soạn luận này.

Hỏi: Thế nào là khó đầy?

Đáp: Uống nhiều, ăn nhiều.

Hỏi: Thế nào là khó nuôi nấng?

Đáp: Nếu thường uống ăn.

Hỏi: Với hai thứ này, vì sao không hỏi về sự khác nhau của chúng?

Đáp: Nên hỏi, nên nói rằng: Khó đầy, khó nuôi có gì khác nhau?

Đáp: Ăn nhiều là khó đầy, lựa chọn cái ăn là khó nuôi, mà không hỏi, phải biết, lời này chưa trọn vẹn, cho đến nói rộng.



Dễ đây là sao? Dễ nuôi là thế nào? Cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Vì khó đây, khó nuôi như trên, do đó nói trung bình.

Dễ đây là thế nào?

Đáp: Không ăn nhiều, không uống nhiều.

Dễ nuôi nặng là sao?

Đáp: Thường ăn.

Hỏi: Trong đây vì sao không hỏi về sự khác nhau?

Đáp: Nên hỏi, như trên đã nói, hoặc có ít thức ăn, mà là khó đây, hoặc có nhiều thức ăn, mà là khó đây, hoặc có nhiều thức ăn mà là dễ đây.

Ăn ít là khó đây: lẽ ra ăn một vốc mà lại ăn hai vốc, đó gọi là ăn ít mà khó đây.

Ăn nhiều mà là dễ đây: nếu ăn một học, tức là đủ cung cấp cho thân, mà lại không ăn, đó gọi là ăn nhiều mà dễ đây.

Nghe nói nói có con voi cái tên là Ma-trà chở xá-lợi Phật đến nước Kế-tân. Do căn thiện ấy, nên sau khi chết được sinh làm người ở nước Kế-tân. Về sau, xuất gia, chứng được quả A-la-hán. Mỗi ngày ăn một học (10 đấu) cơm, cho đến khi sắp nhập Niết-bàn, bảo các Tỳ-kheo-ni: Các cô hãy nhóm họp lại! Ta sẽ tự nói pháp thù thắng mà ta đã được. Các Tỳ-kheo-ni đều không tin vào lời ông vừa nói, nên thưa: Ông là người dễ đây! Sao không tự nói đã được pháp thù thắng? Vì La-hán lại nói với các Tỳ-kheo-ni: Các cô chớ sinh tâm không tin. Từ khi có thân đến nay tôi thường là người dễ đây, cũng nói nhân duyên đời trước của ta: Ta vốn là voi cái, đã bỏ thân kia rồi, nay được thân này, ta có thể ăn một học năm đấu cơm nhưng chỉ ăn một học, cho đến nói rộng.

Những chuyện như thế v.v... dù là ăn nhiều mà là dễ đây.

Nghe nói nói vua Ba-tư-nặc có thể ăn hai học cơm, uống hai học nước cất. Vì là nhân duyên công đức của vua, nên nhân ăn một trái Tỳ-bà, một nhúm gạo, một khúc mía ngọt, ngày qua ngày lớn dần. Vì uống ăn ngần ấy nên thân thể béo to. Do thân to lớn này, khi đến chỗ Phật, Đức Phật bèn hỏi: Thân thể đại vương béo, lớn, có mỗi một không? Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc tâm sinh hổ thẹn, thưa với Đức Phật nói. Lúc đó, Đức Thế tôn bèn nói kệ:

*Người phải có chánh niệm*

*Ăn uống biết vừa đủ*

*Cũng không gặp khổ thọ*

*Dễ tiêu, tuổi thọ tăng.*

Bấy giờ, nghe phật nói, vua Ba-tư-nặc tự giảm ăn dần, cho đến thời gian sau, chỉ ăn một hộc cơm.

Cũng thế, mặc dù ăn nhiều mà là dễ đầy.

Có khi lựa chọn cái ăn mà là khó nuôi, có khi chọn lựa thức ăn mà là dễ nuôi.

Lựa chọn thức ăn mà là khó nuôi: Ăn thô, đủ cung cấp thân mà kén chọn thức ăn ngon.

Kén chọn thức ăn mà là dễ nuôi: Ăn thô không thể cung cấp thân, không kén chọn thức ăn ngon.

Có người vì tham vị, nên ăn thường ăn thức ăn không nhiều. Hoặc có người, thức ăn nhiều, mà không tham vị, ăn thường. Hoặc có người ăn nhiều. Hoặc có người ăn nhiều, tham vị, thường ăn. Hoặc có người ăn không nhiều, không tham vị, thường ăn.

Câu đầu: là Chim v.v....

Câu thứ hai: là Voi, ngựa v.v...

Câu thứ ba: Sói, chó, chồn, mèo, v.v...

Câu thứ tư: Trừ ngần ấy việc ăn trên.

Hỏi: Hai pháp này có gì khác nhau?

Đáp: Thể tánh tức là khác nhau, như trước đã nói.

Khó đầy: ăn nhiều.

Khó nuôi: ăn lựa chọn.

Lại có thuyết nói: Khó đầy: là nặng về dục. Khó nuôi: là không biết đủ. Hai pháp này đều là pháp cõi Dục, đều là căn bất thiện tham, chung cho sáu thức thân, dễ đầy, dễ nuôi, trái với trên.

Hỏi: Hai pháp này có gì khác nhau?

Đáp: Về thể tánh, tức là khác nhau, như trước đã nói, ăn không nhiều là dễ đầy, ăn không kén chọn là dễ nuôi.

Lại có thuyết nói: Dễ đầy là ít muốn, dễ nuôi là biết đủ. Hai pháp này đều cùng là pháp ba cõi, là căn thiện không tham. Vì đối với tham, nên chung cho sáu thức thân.

Kinh Phật nói: Có bốn chứng tử Thánh, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao Đức Thế tôn nói kinh này?

Đáp: Vì ngăn dứt bốn thứ hành nghiệp, nên nói kinh này bốn thứ nghiệp. Hoặc lấy việc làm ruộng làm nghiệp, hoặc dùng mua bán làm nghiệp, hoặc lấy việc hầu quan làm nghiệp, hoặc dùng sự cao sang làm nghiệp.

Một thứ nghiệp: Lấy cầu xin làm nghiệp. Vì ngăn dứt bốn thứ nghiệp trên, thực hành một thứ nghiệp, nên Đức Thế tôn nói kinh này.

Hơn nữa vì muốn hiển bày nghiệp và việc nên làm. Nghiệp: Nên cầu xin y phục, thức uống ăn, dụng cụ trải giường nằm để tự nuôi sống.

việc nên làm: Việc nên làm không có tội nghiệp, việc nên làm, không hại nghiệp người khác. Không đồng với nghiệp của ngoại đạo nên làm, nói cũng giống như thế. Lại nữa, vì Phật muốn hiển hiện Thánh đạo và dùng cụ Thánh đạo. Thánh đạo, nghĩa là người ưa dứt, ưa tu tập. Dụng cụ Thánh đạo: Thức uống ăn, y phục, trải giường, v.v...

Quả Sa-môn, dụng cụ của quả Sa-môn, Bà-la-môn. Dụng cụ của Bà-la-môn cũng giống như thế.

Do những việc như vậy nên Phật nói kinh này

Hỏi: Thể tánh của chủng tử Thánh là gì?

Đáp: Vì đối với tham, nên gọi là căn thiện vô tham. Nếu cộng hữu, tương ứng với thủ là tánh của bốn ấm, năm ấm.

Lại có thuyết nói: Tánh là không tham, tinh tiến. Ba pháp đầu là không tham, ưa dứt, ưa tu là tinh tiến.

Bình luận: Không nên như thế. Như thuyết trước là tốt. Vì sao? Vì ưa dứt, ưa tu cũng là tánh không tham.

Hỏi: Nếu vậy thì sao lại có bốn?

Đáp: Vì dứt sinh ra bốn thứ ái, cho nên có bốn. Vì dứt nhân áo sinh ái nên nói là chủng tử Thánh biết đủ ở áo. Vì ăn nên nói biết đủ ở cái ăn. Vì phòng, nhà, dụng cụ trải nằm nên nói là biết đủ về phòng, nhà, dụng cụ trải nằm. Vì nuôi lớn hữu, nên nói là chủng tử Thánh biết đủ ưa dứt, ưa tu.

Cho nên, vì nhằm ngăn bốn thứ ái, nên nói bốn chủng tử Thánh. Đây là thể tánh của chủng tử Thánh, cho đến nói rộng.

Đã nói thể tánh của chủng tử Thánh. Về lý do nay sẽ nói:

Vì sao gọi là chủng tử Thánh? Thế nào là Thánh? Vì thiện, nên nói là Thánh, vì vô lậu, nên nói là Thánh.

Lại có thuyết nói: Vì có thể sinh ra quả của sự tốt đẹp, vừa ý, nên nói là Thánh. Lại có thuyết nói: có công năng sanh ra quả tốt đẹp vừa ý nên nói là Thánh. Thuyết này là dựa vào quả.

Lại có thuyết nói: Quả báo, nghĩa là có thể sinh ra quả báo của sự tốt đẹp, vừa ý.

Thế nào gọi là chủng? Vì chư Phật nhiều như số cát sông Hằng trong quá khứ và đệ tử của chư Phật đều từ trong chủng tử Thánh này sinh, nên gọi là chủng.

Lại có thuyết nói: Vì có khả năng làm cho pháp Phật trụ lâu, nên nói là chủng. Vì sao? Vì sau khi Phật nhập Niết-bàn, đạo pháp tồn tại

một ngàn năm mà không hư hoại, là do sức chủng tử của Thánh, như cột kèo giữ lấy ngôi nhà, khiến cho không sụp đổ. Chủng Thánh kia cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Nghĩa nối tiếp nhau là nghĩa hạt giống, sau Phật Niết-bàn, khiến cho pháp Phật nối tiếp nhau không dứt, là nghĩa hạt giống. Có Thánh như thế, có chủng tử như thế, nên gọi là Thánh chủng.

Giới: hữu lậu là lệ thuộc ba cõi, vô lậu là không lệ thuộc.

Hỏi: Như cõi Dục có bốn thứ có thể như thế, vì có y phục, uống ăn, dụng cụ trải giường nằm, cõi Sắc không có uống ăn, cõi Vô sắc không có y phục, uống ăn, dụng cụ trải giường nằm, sao lại có bốn thứ?

Đáp: Cõi Sắc, cõi Vô sắc kia dù không có vật như thế, nhưng vẫn có công đức như thế.

Lại có thuyết nói: Trong cõi này tu pháp biết đủ về y phục, thức uống ăn, dụng cụ trải giường nằm, nên dù sinh trong cõi Sắc kia, mà cũng còn theo nhau.

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Cõi Sắc, cõi Vô sắc kia dù không có pháp này, nhưng vẫn có đối trị của pháp ấy. Đối trị có nhiều thứ: Có đối trị dứt, có đối trị lỗi lầm tai hại, có đối trị trì, có đối trị phần xa. Cõi Sắc có bốn thứ đối trị này, cõi Vô sắc có hai thứ, đó là đối trị trì và đối trị phần xa.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Không có y phục, thức uống ăn, dụng cụ trải giường nằm vô lậu mà có Thánh chủng vô lậu cõi ấy tuy không có y phục, thức uống ăn, giường ghế, đồ nằm, v.v... mà có Thánh chủng. Địa: Hữu lậu ở mười một địa, vô lậu ở chín địa. Y: Dựa vào thân ba cõi. Sơ: Dựa vào cõi Dục. Hành: Mười sáu hành, cũng hành các hạnh khác. Duyên: Duyên tất cả pháp. Niệm xứ: Là bốn niệm xứ. Trí: Tương ứng với mười trí. Định: Tương ứng với ba định. Căn: Tương ứng với ba căn, nghĩa là hỷ, lạc, xả căn. Đời: Ở ba đời. Duyên: Duyên nơi quá khứ, vị lai, hiện tại, cũng duyên với pháp chẳng phải đời. Thiện, bất thiện, vô ký: Là thiện. Duyên thiện, bất thiện, vô ký: Duyên theo ba thứ lệ thuộc ba cõi, như thuyết trước đã nói. Hữu lậu là lệ thuộc ba cõi, vô lậu là không lệ thuộc. Duyên lệ thuộc ba cõi và không lệ thuộc: Duyên lệ thuộc ba cõi, cũng duyên không lệ thuộc.

Là Học, Vô học, Phi học Phi vô học: Là cả ba thứ. Duyên theo Học, Vô học, Phi học Phi vô học, là ba thứ đều duyên. Kiến đạo dứt, tu đạo dứt, không đoạn: Là tu đạo dứt, không đoạn. Duyên kiến dứt, tu đạo, không đoạn: Duyên ba thứ. Duyên theo tự thân, tha thân, pháp

chẳng phải thân: Duyên ba thứ. Duyên danh, duyên nghĩa: Là duyên danh, duyên nghĩa.

Hỏi: Vì là địa ý hay năm thức thân?

Đáp: Là lĩnh vực ý, chẳng phải năm thức thân. Vì sao? Vì năm thức thân là pháp sinh đắc.

Lại có thuyết nói: Là năm thức thân. Vì sao? Vì tất cả tâm thiện đều là Thánh chủng.

**Phê bình:** Không nên nói như thế, như thuyết trước là tốt.

Hỏi: Là thiện sinh đắc hay thiện phương tiện?

Đáp: Là phương tiện thiện, chẳng phải thiện sinh đắc. Vì sao? Vì tất cả văn, tư, tu thiện, đều là giải thoát, nên là Thánh chủng.

Lại có thuyết nói: Là thiện sinh đắc.

**Bình luận:** Không nên nói như thế. Vì sao? Vì cho đến con kiến cũng có thiện sinh đắc, có thể là Thánh chủng.

Hỏi: Nếu là phương tiện, thì thiên ngoại đạo, giải thoát, thăng xứ, Nhất thiết xứ, có phải là Thánh chủng hay không?

Đáp: Không phải! Vì sao? Vì như trước đã nói: Vì văn, tư, tu thiện là giải thoát, nên là Thánh chủng. Ngoại đạo không biết đủ, làm tăng trưởng hữu và hữu cụ, nên chẳng phải Thánh chủng.

Hỏi: Trong tất cả tâm thiện đều có ít muốn, biết đủ. Vì sao? Vì là đối trị với tham là căn thiện vô tham.

Vì sao nói biết đủ là Thánh chủng, không nói ít muốn?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Ít muốn, cũng là tên dục, lại là tên khác của không có đối tượng dục. Nếu khi nói ít muốn, cũng có sở dục, không gọi là không có dục, còn biết đủ lại không có đối tượng dục, cũng không có tên khác, nên nói là Thánh chủng.

Lại có thuyết nói: Ít muốn đối với ít muốn chưa được ở vị lai, biết đủ: biết đủ đối với biết đủ đã được ở hiện tại. Nếu một chút vật đã được ở trong hiện tại có thể biết đủ thì đây là rất khó, đối với ít muốn mà ngôi vị Chuyển luân Thánh vương ở vị lai chưa được, chưa đủ là khó. Vì biết đủ khó, nên nói là Thánh chủng.

Lại có thuyết nói: Ít muốn là lệ thuộc ba cõi, chẳng phải không lệ thuộc. Biết đủ là lệ thuộc ba cõi, cũng là không lệ thuộc.

**Bình luận:** Không nên nói như thế, vì hai pháp này đều lệ thuộc ba cõi, cũng là không lệ thuộc.

Hỏi: Nếu vậy thì lại sinh nghi. Vì sao nói biết đủ là Thánh chủng, không nói ít muốn?

Đáp: Vì khác với cái biết của ngoại đạo, nên không nói ít muốn

là Thánh chủng. Nếu nói ít muốn là Thánh chủng, thì các ngoại đạo sẽ nói rằng: Chúng tôi cũng là những người thực hành Thánh đạo. Vì sao? Vì các ông cũng mặc y phấn tảo, mà chúng tôi không mặc, các ông cũng khát thực tự sống, mà chúng tôi phần nhiều không ăn, các ông cũng ngồi dưới cây, còn chúng tôi hoặc thường giơ tay lên, đứng co một chân, không nằm, ngồi giường tòa. Chúng tôi đã thực hành pháp như thế, chẳng phải Thánh chủng hay sao?

Ngoại đạo Phạm chí mặc dù thực hành pháp này, nhưng đối với hữu, hữu cụ không biết đủ. Cho nên, vì khác với ngoại đạo, nên không nói ít muốn là Thánh chủng.

Hỏi: Vì sao thuốc theo bệnh, trong Thánh chủng không nói?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Pháp này vì xếp vào thuyết đã nói trên. Vì sao? Vì thuốc theo bệnh có hai thứ:

1. Có thể ăn.
2. Không thể ăn.

Có thể ăn: thuộc về thức uống, ăn. Không thể ăn: ở y phục, thuộc về dụng cụ giường nằm.

Lại có thuyết nói: Nếu tất cả người đều đã được dùng trong tất cả thời gian, nói là Thánh chủng, thuốc theo bệnh, chẳng phải tất cả người đều dùng bất cứ lúc nào.

Như Tôn giả Bà-câu-la nói: Ta xuất gia trong pháp Phật, đã quá tám mươi tuổi, không nhớ thân này có bệnh, dù chỉ đau đầu, cũng không nhớ để dành thuốc theo bệnh, cho đến cất giữ một trái Ha-lê-lặc.

Tất cả người ở cõi Dục như thế, chẳng phải tất cả thời gian đều chữa tùy bệnh, hướng chi là cõi Sắc, cõi Vô sắc. Hơn nữa, nếu thọ dụng pháp này, làm cho con người buông lung. Nếu người nào có thể bỏ, thì sẽ được gọi là Thánh chủng. Thuốc tùy bệnh không thể khiến cho người buông lung, vì thế, nên không nói là Thánh chủng.

Hỏi: Vì sao được giới giải thoát vô tác, nói là Thánh chủng, không nói hữu tác là Thánh chủng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì hữu tác tùy sát-na diệt, còn vô tác thì nối tiếp nhau không dứt, nghĩa không dứt là Thánh đạo.

Lại có thuyết nói: Vô tác với đạo vô lậu đều cùng được, hữu tác thì không thế. Vậy nên, vô tác là Thánh chủng. Người tại gia có bốn Thánh chủng, người xuất gia cũng có bốn. Người tại gia có tâm trông mong mà không thể thực hành.

Nghe nói trời Đế-thích ngồi trên tòa được trang hoàng bằng các thứ hoa, có một ngàn hai trăm na-do-tha thị nữ, sáu vạn kỹ nữ, thường

trối âm nhạc để làm vui lòng Đế-thích, trong khi Đế-thích thường có tâm trông mong Thánh chủng, mà không thọ dụng. Người xuất gia cũng có tâm trông mong, cũng thực hành Thánh chủng. Người xuất gia hoặc có người tùy được y phục, thức uống ăn, v.v... mà không biết đủ là thực hành Thánh chủng.

Nghe nói có một Tỳ-kheo, đợi tới lúc mặt trời lặn, đến chỗ Phật, từ chỗ Phật, tìm phòng ở lại. Bấy giờ, Phật bảo Tôn giả A-nan cấp cho Tỳ-kheo này phòng. Tôn giả A-nan cấp cho. Bấy giờ, vị Tỳ-kheo nói với A-nan: Đại đức nên làm nghiêm tịnh phòng này, hãy bỏ gối, đá, rác rưởi v.v... treo cờ phướn lọng báu, rải các thứ hoa, đốt hương thơm diêu, trải dụng cụ nằm mềm mỏng, đặt lên đó chiếc gối đẹp.

Bấy giờ, sau khi trang trí phòng này rồi, đến bạch Thế tôn. Phật bảo A-nan! Như lời Tỳ-kheo kia đã nói, ông nên hết lòng bày biện đủ các thứ. Tôn giả A-nan đã bày biện đầy đủ. Khi đó, vị Tỳ-kheo kia liền vào phòng, ngồi trên tòa vào lúc đầu hôm, khởi tịnh giải thoát, theo thứ lớp khởi các pháp giải thoát khác, dứt hết tất cả lậu, được quả A-la-hán, khởi cả thần thông, vào lúc bình minh, do năng lực thần thông, từ căn phòng ấy bỗng ra đi.

Sáng sớm, Tôn giả A-nan đến phòng của Tỳ-kheo kia thấy cửa đã mở, nhưng không thấy Tỳ-kheo, vội đến bạch Phật, thưa rõ về việc này. Phật bảo A-nan: Ông chớ cho là lạ về Tỳ-kheo ấy! Vào đầu hôm hôm qua, Tỳ-kheo kia đã khởi tịnh giải thoát, cho đến khởi thần thông, dùng sức của thần thông ra đi từ căn phòng kia. A-nan nên biết! Tỳ-kheo kia, tánh ưa đẹp đẽ, đã từ cõi trời Tán Ý đến, sinh ở cõi này. Nếu ông không vì vị ấy trang trí, sửa sang, phòng ở đẹp đẽ, với dụng cụ giường nằm v.v..., thì Tỳ-kheo kia không thể được pháp thăng tiến.

Cũng thế, mặc dù người xuất gia không biết đủ về y phục, dụng cụ giường nằm v.v..., không tùy được mà dùng, nhưng vẫn có thể thực hành Thánh chủng. Chư Phật quá khứ đều khen ngợi y phấn tảo mà không cho mặc. Nay Phật khen y phấn tảo mà cho phép được mặc.

Hỏi: Vì sao chư Phật quá khứ đều khen ngợi y phấn tảo mà không cho mặc, nay Đức Phật khen ngợi mà cho mặc?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Con người thời xưa, tánh không tham ái, dù có y trị giá bằng trăm ngàn lượng vàng đi nữa, tâm luyến tiếc, đắm nhiễm của họ cũng không như con người đời nay luyến tiếc, đắm nhiễm y của người phàm.

Lại có thuyết nói: Con người thời xưa, tài sản dồi dào, nhiều của báu. Nếu cầu mong chiếc áo trị giá trăm ngàn lượng vàng, cũng chưa đủ

là khó. Như con người đời nay của báu ít tiết kiệm, mong cầu y phẩn tảo còn khó được, huống chi là chiếc áo trị giá trăm ngàn lượng vàng?

Lại có thuyết nói: Con người thời xưa, tâm ưa thích tươi đẹp trong sạch, đối với vật thô, xấu, họ không sinh tâm cung kính. Vì thế, nên khen ngợi mà không cho dùng. Con người thời đại ngày nay tánh ưa thô, xấu, nên đối với vật thô xấu, có thể sinh tâm kính tin. Do đó khen ngợi, cũng cho thọ dụng.

Lại có thuyết nói: người thời xưa, thân thể mềm mại, nếu nhận dùng vật dụng thô, xấu, thì họ không thể tự tại. Vì cho nên khen ngợi, mà không cho nhận dùng, con người thời đại ngày nay thân thể thô tháo, mạnh mẽ, nhận dùng vật thể thô sơ, xấu xí, có thể tự bảo tồn thân, cho nên khen ngợi cũng cho nhận dùng.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Các vật dụng thời xưa, nếu khi khen ngợi, cũng cho nhận dùng. Vì sao? Vì Đức Phật không phải vô sự, có y phẩn tảo được khen ngợi, xem thường là dễ được, lúc mong cầu không có lỗi?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì y phẩn tảo không có nhiều người mặc, nên khinh tiện. Vì lúc cầu dễ được, nên coi thường, vì chỗ nào cũng có thể được, nên dễ được. Vì Phật đã cho phép mặc, nên lúc tìm cầu không có lỗi. Lại nữa, vì nghiệp này không có lỗi, nên khi cầu không có lỗi. Lại nữa, vì điều mà người trí đã làm, nên lúc cầu không có lỗi.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Vì ít giá trị, nên nói xem thường, vì không từ người khác được, nên dễ được, vì vô sinh, nên khi tìm cầu không có lỗi.

Phật do hai việc, nên biết đủ về y, nói là Thánh chủng:

1. Vì dứt trừ tâm tham mặc y, như Nan-đà, v.v...
2. Vì khen ngợi biết đủ về y, như Ma ha Ca-diếp v.v...

Vì hai việc sau nên biết đủ về ăn, nói là Thánh chủng:

1. Vì dứt trừ tâm tham ăn, như Bà-đà-lợi, v.v...
2. Vì khen ngợi biết đủ về ăn, như Bà-câu-la, v.v...

Vì hai việc sau đây, nên biết đủ về giường, ghế, nói là Thánh chủng:

1. Vì dứt bỏ tâm tham đấm giường, ghế, như Tỳ-kheo Ngu vương v.v...

Như nói Tỳ-kheo Ngu vương bạch Phật: Cúi mong Thế tôn quán giường tòa của con thô xấu như thế.

2. Vì khen ngợi biết đủ về giường, ghế, như Ly-bà-đa v.v...

Vì hai việc sau, nên nói ưa dứt trừ thú vui, tu Thánh chủng này:



1. Vì dứt trừ tâm lười biếng, như Xiển-đà v.v...

2. Vì khen ngợi tâm siêng năng thực hành tinh tiến, như Úc Nhĩ, v.v...

Vì bốn việc sau, nên phải biết người này đã trụ nơi Thánh chủng:

1. Không thích nói về việc lợi dưỡng.

2. Không ưa gần người tham ăn ngon.

3. Không dùng nhiều vật giúp cho sự sống. Các thứ mà người ấy cần dùng, đều là thanh tịnh.

4. Đối với các thứ lợi dưỡng, dù được hay không được, chẳng sinh tâm ưa ghét.

Kinh Phật nói bốn Thánh chủng này là hơn, là chủng tánh, là đáng ưa, là không xen lẫn.

Tất cả thế gian, hoặc Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc là Thiên ma, Phạm thì không thể đúng như pháp nói lời của họ.

Hỏi: Thế nào là vượt hơn hết?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nếu thực hành pháp này thì sẽ theo người vượt hơn hết. Như Phật nói: Năm trăm đệ tử của ta, mỗi người đều có việc vượt hơn hết. Nếu đối với vật giúp ích cho đời sống mà biết vừa đủ, thì Đức Phật cũng khen ngợi người đó là vượt hơn hết.

Lại nữa, Niết-bàn là pháp vượt hơn hết. Vì pháp này có thể đạt đến, nên gọi là hơn.

Lại nữa, vì có thể biết pháp vượt hơn, nên gọi là pháp hơn hết. Những gì là pháp vượt hơn hết? Nghĩa là Phật, hoặc đệ tử Phật. Ai có thể biết được pháp này? Đó là người thực hành Thánh chủng và tu Thánh đạo.

Lại nữa, vì pháp này vượt hơn trong tất cả căn thiện của ý đầy đủ, nên nói là vượt hơn. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh, thường không có ý đầy đủ mà chết. Nếu là trụ tại Thánh chủng, thì lúc qua đời, ý họ đầy đủ pháp thể này là vượt hơn hết, vì có thể đạt đến mức vượt hơn hết, nên gọi là tối thắng.

Lại nữa, vì từ bỏ lỗi chứa nhóm. Vì sao? Vì người căn tánh thấp kém, chứa nhóm nhiều, người có căn tánh vượt hơn không chứa nhóm. Nếu người trụ Thánh chủng, thì không chứa nhóm với mọi nhu cầu cần thiết. Chuyển luân Thánh vương trị vì bốn thiên hạ, tất cả của báu, do đây dễ hết. Trụ nghiệp Thánh chủng, các thứ cần dùng đều vô tận. Vì có thể dứt trừ pháp chứa nhóm, nên tự thể là hơn, vì có khả năng đạt đến pháp tối thắng của Niết-bàn, nên gọi là hơn.

Thế nào là chủng tánh?

---

Đáp: Như trước đã nói: Chư Phật nhiều như số cát sông Hằng trong quá khứ và các đệ tử đều sinh ra từ chủng tánh này, nên gọi là chủng tánh cũ, cũng vì làm cho pháp chư Phật thường nối tiếp nhau không gián dứt, nên gọi là chủng tánh.

Lại có thuyết nói: Vì pháp này có thể biết được chủng tánh, nên gọi là chủng tánh. Chủng tánh giác thiện đẳng Chánh giác của Như lai, vì chỉ pháp này biết được, nên gọi là chủng tánh.

Gọi đáng ưa là sao?

Đáp: Tất cả dứt lạc và tu lạc này có thể ưa, nên gọi là đáng ưa thích.

Lại nữa, pháp này cũng có thể nói là biết. Vì sao? Vì người thực hành pháp này, có thể theo thứ lớp biết phần ban đêm, nên lấy khi mặt trời lặn, ngồi kiết già, đến lúc mặt trời mọc mới đứng dậy.

Lại nữa, vì pháp này có thể biết pháp đáng ưa, nên gọi là đáng ưa.

Lại nữa, vì có thể nhập vào thai pháp của bậc Thánh, nên gọi là hơn hết. Vì thâm nhập chủng tánh của pháp thiện, nên gọi là chủng tánh. Lúc trụ trong pháp thiện, vì có thể biết khí vị của pháp thiện, nên gọi là đáng ưa thích.

Không xen lẫn là thế nào?

Đáp: Vì không xen lẫn bốn thứ nghiệp, đó là trồng lúa, mua bán, việc quan và tôn quý, nên gọi là không xen lẫn, vì công đức thuần thiện của nghiệp này, nên gọi là không xen lẫn.

Sa-môn, Bà-la-môn v.v... không thể đúng như pháp nói lỗi của ng- hiệp người kia, nghĩa là không xen lẫn lỗi lầm, không gây bức xúc cho người khác, như kinh nói: Tỳ-kheo phải biết, đệ tử bậc Thánh của ta, tâm không có yêu ghét. Không có yêu ghét là sao? Yêu gọi là yêu giận dữ. Đệ tử bậc Thánh đã hàng phục sự yêu mến giận dữ, không bị khuấy phục do yêu giận dữ, nên gọi là không có yêu ghét. Kinh này cũng nói: Có ưa dứt, ưa tu. Hai pháp ấy có gì khác nhau?

Đáp: Đạo vô ngại là ưa dứt, đạo giải thoát là ưa tu. Lại nữa, kiến đạo là ưa dứt, tu đạo là ưa tu.

Như vậy, nhẫn trí, tri căn, vị tri căn, dục tri căn, tri căn, địa kiến, địa tu, nói cũng giống như thế.

